

# KHÔNG GIAN VĂN HÓA MIỀN TÂY NAM BỘ TRONG THƠ KIÊN GIANG NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NỘI DUNG

**Võ Minh Nghĩa**

*Trường Đại học Văn Hiến, thành phố Hồ Chí Minh*

**Tóm tắt:** Không gian văn hóa miền Tây Nam Bộ trong thơ Kiên Giang (Hà Huy Hà) là một không gian đặc biệt. Bởi không gian ấy, không chỉ là một địa danh địa lý mà còn là một chiều sâu văn hóa giàu bản sắc. Trên nền lý thuyết không gian nghệ thuật và đặc trưng văn hóa vùng, bài viết tập trung phân tích ba phương diện chính về mặt nội dung là: không gian tâm thức thể hiện ở hình tượng con người Nam Bộ; không gian ẩm thực đặc trưng qua các hình ảnh món ăn miệt vườn, sông nước; không gian văn hóa dân gian hiện diện trong từng hơi thở của đất và người. Qua đó, bài viết khẳng định thơ Kiên Giang vừa mang dấu ấn địa văn hóa, vừa là kho lưu giữ kí ức thời đại của vùng Tây Nam Bộ trong dòng chảy văn học Việt Nam.

**Từ khóa:** Kiên Giang, không gian văn hóa, miền Tây Nam Bộ, văn hóa dân gian, ẩm thực, tâm thức Nam Bộ.

Nhận bài ngày 25.06.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 28.8.2025

Liên hệ tác giả: Võ Minh Nghĩa; email: vominhnghiadhsp@gmail.com

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau năm 1975, đất nước thống nhất mở ra một thời kỳ mới cho văn học Việt Nam, trong đó, việc nhìn lại di sản văn chương giai đoạn trước đã trở thành một nhu cầu thiết yếu. Trong sự tiếp nối của các thời kỳ văn học nước nhà thì thơ Kiên Giang (Hà Huy Hà) – một tác giả đặc sắc của khu vực Nam Bộ nói chung và miền Tây sông nước nói riêng, vẫn giữ một vị trí đặc biệt trong lòng bạn đọc. Nhắc đến Kiên Giang, người ta nhớ ngay đến một hồn thơ đậm đà chất dân dã, chan chứa tình người và thấm đẫm hơi thở của vùng đất Tây Nam Bộ. Trải qua nửa thế kỷ, kể từ khi đất nước thống nhất, đã đến lúc chúng ta cần có một cái nhìn toàn diện hơn về thơ ông, đặc biệt trong bối cảnh văn học hiện đại và sự biến đổi của đời sống văn hóa, xã hội miền Tây.

Kiên Giang (1929 - 2014), tên thật là Trương Khương Trinh, người con nặng tình của vùng đất Rạch Giá, Kiên Giang. Ông xuất thân trong một gia đình có truyền thống Nho học và sớm bộc lộ năng khiếu thơ ca từ khi còn trẻ. Trong giai đoạn trước 1975, ông không chỉ là một nhà thơ mà còn là người chiến sĩ cách mạng trên mặt trận báo chí. Ông tham gia kháng chiến chống Pháp từ những ngày đầu với nhiều vai trò quan trọng trong hầu hết các tờ báo lớn như *Tiếng súng kháng định, Dân ta, Dân tiến...* [1].

Bên cạnh đó, với bút danh Hà Huy Hà, ông trở thành một soạn giả nổi tiếng của nền cải lương Nam Bộ những năm 50 của thế kỷ trước. Hà Huy Hà gắn liền với vở *Áo trước trước cổng chùa, Người vợ không bao giờ cưới, Người đẹp bán tơ...* Những vở cải lương này đã khiến ông trở thành một hiện tượng rất đặc biệt mà tên tuổi vang dội xứ Nam Kỳ lục tỉnh. Sau năm 1975, ông lên Cần Thơ rồi lên thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động mạnh mẽ trong nhiều sân khấu nghệ thuật. Với tấm lòng nhân hậu của con người con Nam Bộ, ông theo đuổi những việc làm thiện nguyện giúp người cho đến những giây phút cuối đời. Ông mất năm 2014, để lại một di sản thơ ca và sân khấu quý giá cùng với đó là tấm lòng nhân hậu “tình người còn mãi” [2].

Khu vực miền Tây Nam Bộ, nơi đã được định hình nền văn hóa gắn liền với sông nước và ruộng vườn. Phù sa của sông Mekong dung bồi cho vùng đất này màu mỡ quanh năm. Với hệ

thống kênh rạch chằng chịt nối liền những cánh đồng, những cù lao và những cồn nhỏ nằm rải rác suốt các tỉnh. Không gian địa văn hóa ấy đã hình thành nên những cổ mẫu xa xưa in đậm trong tâm thức bao thế hệ con người. Khác với những nhà thơ cùng thời chịu ảnh hưởng đậm nét của dòng văn học đô thị hay dòng thơ kháng chiến, thơ Kiên Giang lại mang dáng dấp của những câu hò, điệu lý, vừa phản ánh chân thực đời sống người dân miền sông nước vừa thể hiện cái tình đậm sâu với quê hương xứ sở. Ông không chỉ viết về miền Tây như một không gian địa lý đơn thuần mà còn tái hiện miền Tây như một không gian văn hóa - một miền tâm thức được định hình bởi ghe xuồng, chợ nổi, những con người hào sảng và cả những nỗi niềm riêng tư.

Việc nghiên cứu thơ Kiên Giang trong mối quan hệ với hình tượng miền Tây sông nước vẫn chưa được khai thác đầy đủ trong các công trình từ sau năm 1975 đến nay. Đa phần các nghiên cứu trước đều tập trung vào góc độ tiểu sử hoặc xét thơ ông trong dòng chảy chung của văn học Nam Bộ, mà chưa đi sâu vào cách ông kiến tạo không gian sông nước miền Tây qua thơ ca. Theo chúng tôi tìm hiểu, đã có một số công trình nghiên cứu về thơ Kiên Giang như: *Kiên Giang – Hồn thơ của miền Nam đất Việt* của Lê Minh Quốc đăng trên Báo Phụ nữ số ra ngày 18/01/1997 chủ yếu nhận định bản sắc văn hóa Nam Bộ chảy trong thơ ông qua nhiều khía cạnh và góc nhìn về các sự kiện lịch sử như: những người phụ nữ Nam Bộ hay những câu ca dao mang đậm dấu ấn quê hương [3]. Năm 2013, Lê Tiên Dũng có bài viết: *Kiên Giang, nhà thơ của ngọn lửa tình yêu* đăng trên Tạp chí Khoa học Văn hóa và Du lịch số 14, trong đó tác giả đã nhắc đến những đề tài quen thuộc trong thơ Kiên Giang từ góc nhìn văn hóa Nam Bộ với nhận định rằng: “Những tập thơ sẽ cứ in sâu mãi trong lòng người đọc của những con người yêu quê hương, đất nước và yêu những gì đơn sơ nhất” [4]. Những nghiên cứu này là tiền đề quan trọng nhưng chưa đề cập sâu sắc đến mối liên hệ giữa thơ Kiên Giang và không gian văn hóa của vùng đất này cho thật đầy đủ và toàn diện.

Một vấn đề đặt ra tiếp theo là, trong nửa thế kỷ qua, vùng đất Tây Nam Bộ đã có nhiều thay đổi về cấu trúc kinh tế - xã hội, những hình ảnh đặc trưng như chợ nổi, nghề thủ công truyền thống hay phong tục tập quán đã ít nhiều biến dạng/ mất đi trước làn sóng đô thị hóa. Do đó, bài viết này hướng đến việc tiếp cận thơ Kiên Giang từ góc độ biểu hiện nội dung của không gian văn hóa, nhằm lý giải để gìn giữ những nét rất đặc trưng của văn hóa vùng bản địa. Bằng việc phân tích các tác phẩm thơ tiêu biểu, bài viết không chỉ góp phần khẳng định giá trị nghệ thuật của thơ Kiên Giang mà còn giới thiệu và lưu lại một góc nhìn sâu sắc hơn về bản sắc văn hóa miền Tây Nam Bộ trong dòng chảy liên tục của văn học Việt Nam đương thời.

Để tiến hành nghiên cứu, chúng tôi đã lựa chọn 03 tập thơ của nhà thơ Kiên Giang gồm: tập *Lúa sạ miền Nam* (1962) được nhà xuất bản Lá Bối, tập *Hoa trắng thổi cài trên áo tím* (1962) và *Quê hương thơ ấu* (1967) đều được nhà xuất bản Phù Sa xuất bản tại Sài Gòn. 03 tập thơ trên có thể nói là tiêu biểu cho hành trình sáng tạo nghệ thuật của nhà thơ và cũng mang đậm dấu ấn về phong cách của ông từ trước năm 1975. Do đó, đối tượng nghiên cứu của chúng tôi đảm bảo tính khoa học và tiêu biểu cho một chặng đường nghệ thuật của người nghệ sĩ.

## 2. NỘI DUNG

Không gian là “một mở rộng ba chiều không biên giới trong đó các vật thể và sự kiện có vị trí và hướng tương đối với nhau” [7, tr.35] - khái niệm này thuộc về lĩnh vực vật lý. Tất yếu, khi nói đến không gian, người ta sẽ thường nghĩ ngay đến các sự vật cấu thành nên nó; chẳng hạn: cây cối cho ta không gian xanh; dòng suối, ngọn đồi cho ta không gian thiên nhiên; ti vi, tủ lạnh, ghế sa-lông, đèn chùm cho ta không gian sang trọng,... Nhưng với văn học, không gian nghệ thuật là sản phẩm sáng tạo của tác giả, ở đó, có những nhân vật, hành động, con người liên quan, tạo nên quan niệm nghệ thuật của nhà văn. Do đó, khi được khúc xạ qua lăng kính ngôn từ, không gian trong văn học chỉ là không gian mang tính chủ quan của riêng mỗi nhà văn. Không gian ấy chính là không gian nghệ thuật. Theo *Từ điển thuật ngữ văn học* định nghĩa: “Không gian nghệ thuật chẳng những cho thấy cấu trúc nội tại của tác phẩm văn học, các

ngôn từ tượng trưng, mà còn cho thấy quan niệm về thế giới, chiều sâu cảm thụ của tác giả hay của một giai đoạn văn học” [5, tr.89].

Bản sắc văn hóa là một dòng chảy trường tồn, trải qua thời gian nó sẽ được làm dày lên mà không mai một đi nếu có sự giữ gìn và bảo vệ của con người. Sau khi đất nước thống nhất, hai miền Nam – Bắc về chung một nhà, văn hóa Việt Nam ngày càng có nhiều cơ hội để được khẳng định trong khu vực và trên thế giới. Trong đó, văn hóa vùng Nam Bộ được xem là một trong điểm nhấn đặc sắc. Vùng đất này tuy là non trẻ (xét trên lịch sử hình thành) nhưng nó lại là lớp trầm tích văn hóa lâu đời của nhiều dân tộc. Con sông Mekong bao đời nay chảy trong từng tấc đất, nó tạo ra một không gian văn hóa đậm nét, nơi mà từ mạch nguồn cuộc sống này, con người tứ phương tựu về sinh sống với lớp phù sa được bồi đắp và dần dần hình thành nên nét văn hóa đặc trưng của vùng sông nước xứ đồng bằng. Theo Nguyễn Ngọc Thanh trong cuốn *Đặc trưng văn hóa Nam Bộ*, nhà nghiên cứu đã nhận định như sau: “Đặc trưng văn hóa vùng này được biểu hiện đa dạng trên toàn bộ các mặt của đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của cư dân. Theo cách hiểu phổ biến nhất, đó có thể là nếp ăn mặc, đi lại giao tiếp, nếp vui chơi giải trí, phong tục, lễ nghi, tín ngưỡng, lễ hội, cũng có thể là các hoạt động văn hóa – nghệ thuật, nhất là văn hóa nghệ thuật dân gian” [6, tr.10]. Lấy đó làm căn cứ khảo sát về mặt biểu hiện của nội dung trong thơ Kiên Giang, chúng tôi tìm thấy không gian văn hóa vùng đất này kết tinh trên 03 khía cạnh là: Tâm thức con người hào sảng và mộc mạc, nếp ăn ở gắn với lúa gạo và đồng quê, văn hóa dân gian gắn với các hình thức biểu hiện độc đáo.

### **2.1. Thơ Kiên Giang thể hiện sự kết tinh tâm thức con người vùng Tây Nam Bộ như một nếp sống nghĩa tình**

Trải qua biết bao thăng trầm của lịch sử, vùng đất Nam Bộ với hơn 300 năm hình thành và phát triển, nó đã được thiên nhiên ngàn đời ban cho sự ưu ái khôn xiết. Ít có bão tố, cũng ít có những cơn sóng thần hay động đất. Ngược lại, còn được đất mẹ phù sa của sông Mekong bồi đắp qua từng năm tháng. Do nằm ở hạ nguồn, trước khi đổ ra biển, sông Mekong đã sông trọn vẹn và ân tình với khu vực hạ lưu của nó. Nó đã ban cho dân ta cho nguồn nước ngọt dồi dào với cá tôm, phù sa mênh mông, vô tận. Khí hậu ôn hòa quanh năm làm cho cây trồng, sinh vật phát triển mạnh đem lại cuộc sống ấm no cho người dân. Từ những thuận lợi của tự nhiên ấy, con người nơi đây dần dà đã hình thành nên tâm thế ăn no, không lo không nghĩ, tự tại và thoải mái. Đó là khí khái hào sảng đặc trưng của nhân dân Nam Bộ.

Thêm nữa, với ruộng đồng bao la, thị dân thành thị ít bởi con người quen bám lấy quê hương để gắn với nghề nông mà sống nên từ trong nghề nghiệp hình thành nên tính cách mộc mạc bình dị. Nét đặc trưng về văn hóa này dễ dàng tìm thấy trong từng câu thơ của Kiên Giang. Ông đã từng so sánh cuộc sống thị thành với sự giản dị của quê nhà: “*Từ khi xa xứ lên đô thị/ Tiếng máy rền vang át tiếng chày/ Cổng kín tường cao đà khuất lách/ Bóng người sàng gạo cuối chân mây*” (Sàng gạo). Tâm thức mộc mạc đã khiến ông dù đi đâu cũng nhớ về chốn thanh bình của quê hương. Tất cả đặt trong sự đối lập của cuộc sống, con người Nam Bộ luôn muốn đi tìm chốn quê thanh bình sau bao năm bôn ba vất vả xứ thị thành. Dù đi xa đến đâu, người phương Nam khi trở về cũng thường rủ rê những người bạn phương xa cùng về với niềm tự hào mãnh liệt. Giọng thơ hào sảng trong bài thơ “*Bánh ông Trà Vinh*” như một điệp khúc lặp đi lặp lại nhiều lần trong toàn bộ tập thơ *Lúa sạ miền Nam* (Tập thơ được xuất bản năm 1962 ở Sài Gòn). “*Mời về Trà Vinh ăn bánh ông/ Thương màu lá dứa, áo thiên thanh/ Gió đưa hương bưởi vào hơi thở/ Thương xứ thương luôn gái Vĩnh Bình*” (Bánh ông Trà Vinh). Về đây, về “tao” làm món này, món nọ đãi “mày ăn”, những câu nói chân tình như thế từ đời đến thơ đều nặng tình nghĩa chất phác. “*Mời bạn về thăm quê hương lúa sạ/ Ngắm biển trời Đồng Tháp, đất An Giang/ Gò Óc Eo còn dấu vết một kho tàng/ Nhớ thửa bờn vàng những năm đô khổ/ Lặn dưới bùn sâu mở đường hơi thở*” (Lúa sạ miền Nam).

Cái hào sảng trong tính cách con người Nam Bộ còn thể hiện ở việc sẵn sàng phá rừng bọ hổ, sẵn sàng đi khẩn hoang và đi cứu nước khi nhân dân cần đến. Họ chẳng màng sinh mạng hay nghĩ chuyện sống chết. Họ đi và cứ đi khi được gọi mời. Họ hào sảng trong chính những hành động và việc làm của họ: *“Người miền Nam từ bao thế kỉ/ Độn cỏ đắp đê làm chiến lũy/ Dựng thành trì bên bông trái thom tho/ Tiếng chim rừng hòa điệu líu lo/.../ Cùng nguyện cho đất nước lên hương/ Nuông cánh thiên thần, ca dao tục ngữ/ Rót tình quê ru mềm hồn giấc ngủ/ Ru con, chồng và đất tổ mới khai sinh”* (Máu đất phù sa). Lời thơ như một lời khẳng định chắc nịch mà Kiên Giang đã và đang chứng kiến. Ông nói thay cho nhân dân Nam Bộ, khi tổ quốc cần thì sẽ lên đường vì tổ quốc mà hy sinh. 50 năm qua nhìn lại từ các cuộc chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ, chúng ta thấy được biết bao anh hùng Nam bộ đã hy sinh cho sự nghiệp độc lập của núi sông này: Sơn Ton, Mạc Thị Bưởi, Phan Đình Giót, Bế Văn Đàn, Ca Văn Thỉnh, Cù Chính Lan, Lư Nguyệt Hồng, Nguyễn Thị Định, Huỳnh Văn Bé, Tạ Thị Kiều,... Lốp lốp những con người mà lịch sử mãi mãi lưu danh cho sự hào sảng ra đi không ngại hiểm nguy của tính mạng. Họ luôn nghĩ rằng: *“Trời miền Nam vẫn trong/ Sông Cửu Long cuộn chảy/ Dào dạt hơn sông Hồng/ Ai làm đau núi sông”* (Dưới bàn chân). Con người Nam bộ với tính cách ấy luôn đậm nét trong thơ của Kiên Giang như lời khẳng định trung thành với tổ quốc. *“Quê hương là máu, là xương thịt/ Nước mắt mồ hôi của giống nòi/ Tranh đấu từ bao nhiêu thế kỉ/ Bảo tồn gấm vóc đến muôn đời/ Còn sống ngày nào trên đất nước/ Nếu ai xâm chiếm đến quê hương/ Tình quê sẽ hóa ra tình nước/ Tình nước đúc thành súng với gươm”* (Tình quê tình nước).

Hồn thơ Kiên Giang hay ở chỗ chất giọng đậm đà cái cốt cách dám ăn dám nói của người Nam Bộ. Lật từng trang trong *Hoa cài áo tím* (Tập thơ xuất bản năm 1962 ở Sài Gòn), chúng tôi xúc động khi hiểu rằng nơi tâm trí của con người con Nam Bộ có bao giờ họ nghĩ cho họ đâu, họ hào sảng đến mức độ từng câu từng chữ cũng đều muốn sống cho cả non sông này. Kiên Giang đã khắc họa được tâm thức ấy trong từng trang thơ như một đặc trưng đáng quý của con người nơi đây. Nam Bộ bao đời nay đã gắn chặt với đất mẹ Việt Nam, trở thành một bộ phận không thể thiếu, lời nói hào sảng đầy ý thức được vang lên: *“Trở lại xóm dừa mùa lúa loạn/ Ngồi trên bến cũ lắng thời gian/ Vô tình tôi vớt trong dòng nước/ Giọt máu miền Nam, máu Việt Nam/ Nước chảy một dòng ra biển cả/ Vẫn mang tình nước Cửu Long Giang/ Sông ơi! Dù có ra khơi biển/ Vẫn nhớ rễ bần đất Hậu Giang”* (Đẹp Hậu Giang). Con người Nam Bộ một khi đã yêu thì họ yêu bất chấp hết đường đi lối về, họ luôn hào sảng trong từng suy nghĩ và tình cảm như thế. Ông nhận ra được vẻ đẹp Hậu Giang có được là nhờ Bảy ngã sông đổ về một điểm của vùng đất này luôn lắng trong giọt máu của người Việt Nam. Con sông chảy dù có đi đến đâu vẫn mang theo cái tình bất diệt mãi không phai. Dấu ấn hào sảng trong tình yêu, sẵn sàng yêu tất cả vạn vật muôn loài của Nam bộ là điều quý nhất trong thơ Kiên Giang: *“Về đây lòng thấy yêu yêu/ Yêu người yêu cảnh hay yêu bóng dừa/ Tôi yêu sen nở Bờ Hồ/ Hay yêu cô gái học trò tóc xanh/ Bao nhiêu cảnh, bấy nhiêu tình/ Qua nguồn rung cảm...chảy thành dòng thơ”* (Dưới bóng dừa). Chữ “yêu” lặp đi lặp lại tạo thành một nét rất duyên của con người Nam bộ. Dường như đi đến đâu trong xứ lục tỉnh này họ cũng đều yêu như chính quê hương họ vậy. Không phân biệt cục bộ trong vùng đất nào, dù là An Giang hay Đồng Tháp, Tiền Giang hay Bến Tre, Cần Thơ hay Hậu Giang, con người miền Tây Nam bộ cứ đi đến đâu là yêu đến đó. Sự hào phóng tình yêu ấy làm nên nét chân tình thật duyên dáng của vùng đất địa văn hóa.

Bao năm đã đi qua, đất nước hai miền cũng nối liền một dải nhưng thơ Kiên Giang vẫn sừng sững một tuyên ngôn về tình và nghĩa của nhân dân Nam bộ dành cho dân tộc. Đọc lại những vần thơ từ những năm 50, 60 của thế kỉ trước, chúng tôi kết nối với hiện tại bây giờ và nhận thấy rằng: Dù ở thời đại nào con người Nam bộ vẫn luôn hào sảng trong tâm thức của mình như thế. Biết bao vị lãnh đạo cũng đi từ Nam bộ rồi dần đến Trung Ương hay từ tình này sang tình khác cũng đều một lòng phụng sự cho đất nước mà không nề hà những chuyện tâm tư.

## 2.2. Thơ Kiên Giang phản ánh đặc trưng văn hóa ẩm thực vùng Tây Nam Bộ như một kí ức tập thể

Nhà nghiên cứu Phan Thị Thu Hiền từng nhận định trong một cuộc họp về du lịch ở tỉnh Trà Vinh rằng: Văn hóa xuất hiện mạnh mẽ nhất trong từng bữa cơm và cuộc sống của con người. Thật vậy, nét đẹp văn hóa kết tinh trong từng hương vị của mỗi bữa ăn và cách sống trong từng khoảnh khắc. Con người Nam bộ tạo nên nét văn hóa này như một thói quen thường nhật của cuộc sống đời thường. Đâu đâu trong những vần thơ Kiên Giang chúng tôi cũng phát hiện ra chúng, nó tạo thành một motif lặp đi lặp lại ẩn trong tâm thức mà Freud gọi là: “tầng sâu vô thức”.

Đọc thơ Kiên Giang không những đọc được tâm thức người Nam bộ mà còn đọc được cả những nét văn hóa ẩm thực đặc sắc. Nhìn lại sau bao nhiêu năm, những món ăn, những hương vị ấy đã và đang đi cùng năm tháng để trở thành một điều không thể thiếu của vùng văn hóa này. Nhắc đến Bến Tre là nhắc đến dừa, cả vùng đồng bằng sông Cửu Long không nơi nào nhiều như ở Bến Tre, nên từ lâu đời, bóng cây dừa đã hóa thành con người xứ sở. “*Bến Tre gái đẹp, trai hiền/ Dừa xanh nước bạc ủ niêm quê hương/ Ban trưa ghé quán bên đường/ Uống no bóng mát mà thương xứ dừa*” (Bến Tre). Hương vị của trái dừa đã hóa thành hương vị của cả vùng đất, vùng trời. Con người đến Bến Tre không chỉ thưởng thức dừa mà còn thưởng thức cả bóng mát tỏa lan ra một vùng văn hóa tươi đẹp.

Về miền Tây là phải một lần uống nước mưa trong những lu, những thạp chứa ở mỗi sân nhà. Người miền Tây ngày xưa và ngày nay vẫn còn lưu giữ nếp sống này. Nước mưa được quan niệm là hương vị tinh túy của đất trời nên đi làm vườn, làm ruộng về cứ mệt là ghé vào lu nước của bất kì nhà nào, lấy cái gáo dừa múc một ngụm mà thưởng thức lấy: “*Uống nước trời mưa anh những tưởng/ Uống mùi hương tóc gái thơ ngây/ Nước trong veo quá không men rượu/ Mới uống lòng đã ngây ngất say*” (Hương nước mưa). Bài thơ này có lẽ đậm vị nhất trong lòng chúng tôi khi khảo sát tập thơ của Kiên Giang. Nước mưa được khắc họa bằng hình tượng độc đáo, vừa có mùi lại có vị, lại còn có cả bóng dáng yêu kiều của người con gái. Kiên Giang đã thi vị hóa nước mưa trở thành thức uống vừa ngon vừa đẹp trong lòng người dân Nam bộ.

Đến Trà Vinh thưởng thức món bánh ống vốn là đặc sản của vùng đất trù phú này. Văn hóa Khmer đã tạo nên một mảng văn hóa góp vào đặc điểm chung cho vùng đất Nam bộ. Từ các món mắm cho đến các món ăn vặt, văn hóa Khmer tạo nên những mảng rất riêng cho văn hóa vùng đất chín rồng. “*Về xứ Trà Vinh ăn bánh ống/ Thương màu lá dứa, áo thiên thanh/ Gió đưa hương bưởi vào hơi thở/ Thương xứ thương luôn gái Vĩnh Bình*” (Bánh ống Trà Vinh). Bài thơ như một lời giới thiệu, như một lời mời mọc chất phác, tâm tình. Giọng điệu thơ ngọt ngào sâu lắng với hình ảnh bánh ống gắn liền cùng màu áo thiên thanh - màu xanh da trời thơ mộng và thuần khiết. Tác giả đã đồng nhất màu xanh non của cốm, của lá dứa hòa trộn với gạo trắng để tạo thành màu thiên thanh tươi đẹp. Từ màu sắc của bánh ống đến màu áo xanh của người con gái, từ món ăn dân dã đến nhân vật trữ tình gợi nhiều xúc cảm, dường như cả đất trời Trà Vinh thu lại gọn gàng trong nét đẹp của người con gái Vĩnh Bình (tên gọi cũ của tỉnh lỵ Trà Vinh trước năm 1973). Về đến Trà Vinh, không những gạo trắng, bánh ngon mà còn có vườn bưởi cũng mát rượi những tâm tình:

“*Vườn bưởi Biên Hòa tuy ngọt lịm./ Cũng không bằng nửa múi Thanh Trà/ Vì hương tóc rối thơm bông bưởi/ - Cô gái Trà Vinh đẹp mặn mà*” (Bánh ống Trà Vinh). Sự so sánh rất lạ của chủ thể trữ tình, lấy cái duyên dáng gắn liền với đặc sản quê hương làm câu nổi cho trái bưởi Thanh Trà nổi bật giữa đất trời. Vị ngọt của bưởi Biên Hòa cũng không thể sánh bằng độ “ngọt” của hương mà người con gái đất Vĩnh Bình gửi vào trong từng múi bưởi. Về Trà Vinh, không những thưởng thức món ngon mà còn say đắm sự xinh xắn của con người nơi đây. Có lẽ,

tất cả tình yêu thương và sự ân tình đối với quê hương xứ sở đã làm nên một hồn thơ Kiên Giang thật sâu sắc, độc đáo và bình dị.

Nhắc đến Nam Bộ, không thể không nhắc đến lúa. Sản vật này muôn đời đã hòa trong vị ngọt của phù sa mà nuôi dưỡng biết bao thế hệ con người nơi đây. Lúa và những sản vật quý báu từ lúa không những tạo thành nếp văn hóa mà còn là một thức quà gọi nhớ thương cho biết bao con người Nam Bộ. Lớn lên bên khói bếp lam chiều, những đũa tre thơ xem lúa, gạo, cánh đồng là một phần của tâm thức mà nó nguyện cả đời gắn bó. Hình ảnh cây lúa và những phái sinh của nó trở thành biểu tượng thiêng liêng trong thơ Kiên Giang. Trong tập thơ *Lúa sạ miền Nam*, Kiên Giang đã giữ gìn trọn vẹn tình quê qua từng bài thơ chất chứa hình ảnh cây lúa, bát cơm, nó không những là một món ăn nó còn là một báu vật không thể nào quý giá hơn. “*Mời bạn về ôm chân cây lúa sạ/ Để reo mừng đau xót với Hậu Giang/ Máy trăm năm từ thửa mới khai hoang/ Nhạc rừng trâu vượt trời nghe đồng vọng/ Gọi nhau về miền Tây chời mộng/ Chào tay chai vạch đất thế lưỡi cày*” (Lúa sạ miền Nam). “Lúa sạ” cách gọi của một phương pháp gieo mạ bằng việc rải trực tiếp hạt đã được ủ và nảy mầm xuống đồng ruộng để tiến hành canh tác. Mùa lúa sạ là vụ quan trọng nhất trong năm vì năng suất cao và đem lại cuộc sống ấm no cho người nông dân. Thế nên, hình ảnh thơ bỗng hóa thành một cái gì đó cao thượng và quý báu. Lời mời gọi về ôm chân cây lúa sạ như một biểu tượng cao nhất của sự tôn trọng và kính yêu cây lúa. Nghề nông - nghề trồng trọt đã là một phần trong cuộc sống của biết bao thế hệ, những vết chai sần thay cho lưỡi cày in hằn trên đôi bàn tay là minh chứng cho một cuộc đời vất vả bầm ruộng đồng để mưu sinh. Đất trời Nam Bộ, mây núi tiếp nhau thì lúa sạ cũng thay nhau nối dài trong tình thương vô bờ của con người. Bao nhiêu hình ảnh đẹp Kiên Giang kết tinh vào trong cây lúa: “*Cây lúa dật dờ/ Như áo lụa thủy cung chào đại hội/ Về Miền Tây với bàn tay vẫy gọi/ Chào An Giang Bảy Núi tiếng Láng Linh/ Chào kênh Vĩnh Tế nối mạch Giang Thành/ Cho nước bạc từ sông xuôi biển cả/...Sừng sững Thất Sơn một dãy trường thành/ Chim mỗi cánh vẫn bay vào bóng mát/ Leo cột buồm nhìn ruộng đồng man mác/ Yêu làm sao trời đất, nước miền Nam*” (Lúa sạ miền Nam). Về đến vùng đất Chín Rồng là về đến sự bát ngát, mênh mông của lúa sạ ruộng đồng. Leo lên cao để nhìn ngắm miền Nam, lời thơ được nâng lên không phải bằng độ cao địa lý mà bằng hồn thiêng dân tộc, bằng sự tự hào mãnh liệt của chủ thể trữ tình dành cho ruộng đồng mênh mông. Liệt kê hàng loạt các địa danh từ đồng bằng lên vùng Thất Sơn (Vùng đất với 37 ngọn núi cao theo địa hình bán sơn địa gồm 07 ngọn núi chính: Núi Cấm, Núi Dài Năm Giếng, Núi Cô Tô, Núi Dài, Núi Trượng, Núi Két, Núi Nước) nơi nào cũng được phủ xanh bóng mát của ruộng đồng. Lạ kì thay, thiên nhiên ân tình đã cho vùng đất nơi đây những giọt phù sa đầy ấp dinh dưỡng để dưỡng nuôi hạt lúa thêm phần trĩu nặng. Những người con đi xa ai cũng mang nặng một ân tình về loại sản vật này: “*Lâu quá con thèm ăn gạo già/ Thèm mùi sữa ngọt, sữa con so/ Thèm đêm trăng sáng chày khua cối/Làm rưng Hàng Nga xuống tứ thơ*” (Sàn gạo). Hồn thơ Kiên Giang kết tinh trong từng hương – sắc – vị – thanh của hạt ngọc đất trời. Để từ đó, gạo không những nuôi sống ông mà còn làm nên tứ thơ độc đáo của cuộc đời ông. Đối với quê hương miền Tây Nam bộ, lúa gạo không đơn thuần là món ăn, nó đã tạo nên một bản sắc văn hóa rất đặc trưng của vùng đất chín rồng.

Trong bài thơ “*Đẹp Hậu Giang*”, Kiên Giang đã tổng hợp hết những loại sản vật đặc sắc nhất của 13 tỉnh Nam Kỳ tạo thành một tấm bản đồ thu nhỏ cho không gian văn hóa ẩm thực độc đáo của vùng đất Tây Nam Bộ: “*Nơi đây dân sống do lành lấm,/ Với đất miền Tây, nước Hậu Giang,/ Với trái Cần Thơ, rau Bảy Núi,/ Với khô Rạch Giá, lúa miền Nam./ Muối Bạc Liêu mặn tình biển cả,/ Tiêu Hà Tiên nồng ý quê hương/ Thơm tho khói thuốc: mùi Cao Lanh,/ Cá chày bùi ngon: vị Sóc Trăng./ Gạo “móng chiêm” thơm mùi rạ ngọt,/ Nấu nồi Hòn Đất, lò Hòn Me;/ Chum than đượm lửa Cà Mau ấy.../ Qua mùa nước nổi vùng Châu Đốc,/ Nhớ lá Cà Mau, nhớ lông tre,/ Nhớ choại U Minh, tràm Cán Gáo,/ Nhà bè mới ẩm lửa đèn khuya/.../ Hòn Tre, Phú Quốc dù xa bãi,/ Vẫn nhớ phù sa, mảnh đất hiền*”. (Đẹp Hậu Giang). Các tỉnh miền Tây

Nam Bộ mỗi tỉnh như anh em một nhà vun vén trong đó bao nhiêu là tình cảm dành cho nhau. Kiên Giang đã khái quát cả đất trời qua từng hương vị của món ăn. Nào là trái ngọt xứ Cần Thơ, nào là vị tươi ngon của rau Bảy Núi, nào là vị mặn mòi cá tôm của khô Rạch Giá, nào là vị cá ngọt bùi của vùng Sóc Trăng, nào là hương vị của tràm, của choại xứ U Minh, Cán Gáo,... tất cả đã làm sống dậy trong mỗi người chúng ta một tình yêu quê hương xứ sở qua từng hình ảnh bình dị.

Thật sự, đến với thơ Kiên Giang chúng ta đã cảm nhận được hết sự nhuần nhuyễn trong văn hóa và hương vị quê hương. Ông đã gọi lên một không gian nghệ thuật cấu thành bởi ẩm thực, bởi hương vị trong từng bữa cơm của mỗi gia đình. Từ những món ăn, nó đã trở thành những đối tượng trữ tình để mỗi vần thơ là gọi nhắc về mỗi nét đặc trưng của quê hương miền Tây Nam Bộ. Hơn 50 năm qua, giờ đây trong mỗi mâm cơm miền Nam, chắc hẳn vẫn còn lưu giữ những hương vị quen thuộc ấy. Không gian nghệ thuật đã hòa trộn với không gian cuộc sống tạo nên dòng chảy văn hóa đặc trưng và quý báu.

### 2.3. Thơ Kiên Giang phản ánh không gian văn hóa dân gian đặc trưng của vùng Tây Nam Bộ như một dấu ấn độc đáo

Bên cạnh ẩm thực, thơ Kiên Giang còn chứa đựng trong đó những nét văn hóa dân gian Nam Bộ rất đặc trưng. Theo Phạm Đăng Hưng, “Văn hóa dân gian Nam Bộ là sự kết tinh của văn hóa truyền thống Việt Nam và sự giao thoa, tiếp biến với các nền văn hóa của các dân tộc khác như Chăm, Khmer, Hoa. Nó thể hiện rõ nét nhất trong các phong tục tập quán, lễ hội, tín ngưỡng và các loại hình nghệ thuật dân gian” [6].

Đến với thơ Kiên Giang là đến với kho tàng văn hóa của vùng đất Tây Nam Bộ. Những hình ảnh trong thơ ông phản chiếu nhiều nét văn hóa dân gian trong đời sống con người. Không gian nghệ thuật trong thơ là sự kết tinh của không gian địa lý nơi chín nhánh sông phù sa hòa chung một mẹ cũng là nơi giao thoa của nhiều vùng văn hóa. Nét văn hóa dân gian được hòa trộn bởi chủ yếu của 04 dân tộc là Kinh, Chăm, Khmer và Hoa tạo nên bản sắc vô cùng độc đáo mà hiếm có vùng đất nào trên đất nước này có được. Khảo sát qua 03 tập thơ, chúng tôi lập bảng thống kê sau đây về những nét văn hóa dân gian đặc trưng vùng Tây Nam Bộ:

*Bảng 1: Thống kê và lý giải các loại hình văn hóa dân gian vùng Tây Nam Bộ xuất hiện trong thơ Kiên Giang*

ST T	BÀI THƠ	TẬP THƠ	HÌNH ẢNH TRONG THƠ	VĂN HÓA DÂN GIAN
1	Bánh ông Trà Vinh	Lúa sạ miền Nam	<i>Tiếng trống cơm hòa nhạc ngũ âm/  Trong ngày Đưa Nước, hội trăng rằm</i>	Lễ hội Đưa Nước, còn được gọi là Lễ Ok-Om-Bok hoặc Lễ Cúng Trăng, là một lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer Nam Bộ, diễn ra vào ngày rằm tháng 10 âm lịch hàng năm. Lễ hội này có ý nghĩa quan trọng trong việc tạ ơn thần Mặt Trăng, cầu mong mùa màng bội thu, và là dịp để người dân cùng nhau vui chơi, giao lưu văn hóa.
2	Bánh ông Trà Vinh	Lúa sạ miền Nam	<i>Dù Kê hát bội vui chùa miếu/  Sống thái bình, quên cả tháng năm</i>	Lễ hội Dù Kê, hay còn gọi là "Lakhôn Bassác" (kịch hát của người Khmer ở vùng Bassác), là một loại hình nghệ thuật sân khấu ca kịch truyền thống của người Khmer ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Nó kết hợp hát, múa và diễn xuất, thường được biểu diễn trong các lễ hội của người Khmer. Dù

				Kê thường kể những câu chuyện lịch sử, truyền thuyết, và các nhân vật huyền thoại của người Khmer.
3	Máu đất phù sa	Lúa sạ miền Nam	<i>Song lang nhịp lời ca Vọng Cổ/ Ru già niềm đau khổ thấu tim gan</i>	Vọng Cổ là tên một giai điệu nhạc rất phổ biến ở vùng Tây Nam Bộ. Giai điệu này bắt nguồn từ bài “Dạ cổ hoài lang” (nghe tiếng trống đêm nhớ chồng) của nhạc sĩ Cao Văn Lầu người Bạc Liêu. Giai điệu đặc trưng phát ra từ cây đàn Vọng Cổ (Lục huyền cầm). Về sau, Vọng Cổ trở thành một bản nhạc chính trên các sân khấu Cải lương Nam Bộ.
4	Máu đất phù sa	Lúa sạ miền Nam	<i>Điệu Vân Tiên gọi hồn cổ thổ/ Tiếng hát tiếng than hòa nhịp thở/ Gọi tâm tình Đồ Chiểu lạnh sao khuya</i>	Điệu Vân Tiên hay còn gọi là Ngâm, xướng truyện thơ Nôm Lục Vân Tiên. Nét văn hóa của người dân Nam Bộ, khi họ xem Lục Vân Tiên là cuốn đạo đức kinh. Với lòng kính trọng và ngưỡng mộ cụ Nguyễn Đình Chiểu, người dân Nam Bộ đã tạo ra điệu Vân Tiên để ngâm và diễn xướng tác phẩm này như một giai điệu quen thuộc.
5	Dưới bàn chân	Lúa sạ miền Nam	<i>Hội xuống ghe Ngã Bảy/ Hát ghe duyên cô Hàng</i>	Ngã Bảy vốn là tỉnh lỵ của tỉnh Hậu Giang (cũ, nay thuộc thành phố Cần Thơ) nơi là bảy con kênh lớn gặp nhau tại một điểm. Nơi đây từ lâu thuyền ghe tập nập, tạo nên những phiên chợ buôn bán trên sông rất sầm uất. Chợ họp từ rất sớm và tan chợ khi mặt trời lên cao. Mỗi ngày vui như một lễ hội xuống ghe trên sông.
6	Thả diều	Quê hương thơ ấu	<i>Tháng Giêng ngắm trẻ thả diều/ Lòng nghe sóng lại ít nhiều tuổi thơ/ Dây diều là một cung tơ/ Cánh diều là một bài thơ nô đùa.</i>	Thả diều một hoạt động văn hóa dân gian phổ biến khắp cả nước. Ở Tây Nam Bộ, nét văn hóa này thường gắn liền với những đứa trẻ mục đồng, nó trở thành trò chơi dân gian của những đứa trẻ sau giờ học hoặc phụ giúp bố mẹ chuyện đồng áng.
7	Cô hàng Bông Cỏ	Quê hương thơ ấu	<i>Bạc vừa tách bến, em cười nụ/ Chỉ rằng dứa khẽ bảo: Bến Tre!/ Quê mẹ bên sông râm bóng mát/ Đạo Dừa bám đất vững chân quê</i>	Đạo Dừa là một tôn giáo tồn tại trước năm 1975 do ông Nguyễn Thành Nam sáng lập tại Cồn Phụng (Thuộc xã Tân Thạch, huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre cũ - nay thuộc xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long). Đạo Dừa chủ trương hòa đồng tôn giáo, tổng hợp giáo lý của nhiều tôn giáo như Phật Giáo, Kito Giáo. Hiện nay, Đạo Dừa không được công nhận là một tôn giáo ở Việt Nam, nó chỉ tồn tại như một niềm tin

				tín ngưỡng ở vùng đất cồn Phụng.
8	Gió bắc hiu hiu	Quê huương thơ ầu	<i>Lớn lên tôi định lên Tà Lon/ Học bùa, học võ đi ăn cướp/ Có lẽ đời mình đỡ khổ hơn</i>	Tà Lon (thuộc tỉnh Kampot, Campuchia vùng giáp ranh biên giới Việt Nam tại huyện Tri Tôn, An Giang). Từ xưa, trong đạo Phật Giáo Hòa Hảo (một tôn giáo ra đời tại làng Hòa Hảo, An Giang) cho rằng truyền đời thứ 2 là vị Phật có tên Phật Trùm phát tích và tu học ở vùng Tà Lon. Từ đó, nơi đây nổi tiếng với các vị sư thầy dạy luyện bùa phép – một hình thức văn hóa tín ngưỡng của người dân Nam Bộ xưa và nay.
9	Gió bắc hiu hiu	Quê huương thơ ầu	<i>Con nắm tay Ba xuống bến tàu/ Dầu hớt ca – rẽ vừa mọc tóc/ Nghe hơi gió bắc lạnh da đầu.</i>	Đầu cắt kiểu ca rê (bob cut) là kiểu tóc ngắn, thường ở giữa tai và vai, có độ dài ngang đều và được cắt thẳng. Đặc điểm nổi bật là phần tóc phía trước và sau có độ dài tương đương nhau, giúp khuôn mặt trông cân đối hơn. Đây là kiểu cắt quen thuộc của thanh thiếu niên vùng đất Tây Nam Bộ xưa và nay.
10	Khói trắng	Hoa trắng thôi cài trên áo tím	<i>Nguyện cầu đức Phật và danh Chúa/ Rủ đức từ bi, xuống phước lành/ Mẹ sống muôn đời ở Châu Đốc/ Ngôi sao mẹ sáng giữa ngân hà.</i>	Mẹ Châu Đốc – hay Nguyên Nhung Thánh Mẫu núi Sam Châu Đốc. Một vị thần linh ngự ở chân núi Sam. Từ lâu dân gian khắp vùng Nam Kỳ đều tín sự linh ứng ở Bà Chúa Xứ núi Sam tạo thành một lễ hội tâm linh hàng năm vào ngày 23 tháng 4 Âm lịch. UNESCO đã công nhận là di sản văn hóa phi vật thể năm 2024.

Qua bảng thống kê và lý giải trên, với việc khảo sát 03 tập thơ Kiên Giang, chúng tôi nhận thấy cả một từ điển văn hóa dân gian Tây Nam Bộ kết tinh trong từng lời thơ và ý thơ. Các hình thức văn hóa dân gian này tồn tại tận sâu trong tâm thức của con người nơi đây. Chúng đã hóa thân thành xương máu, thành hơi thở, thành thói quen trong cuộc sống thường ngày. Cái hay nhất của Kiên Giang chính là việc ông sử dụng ngôn ngữ thơ tự nhiên khi đưa các hình thức văn hóa dân gian vào từng dòng thơ của mình như một sự hiển nhiên, một thói quen thành lệ.

Đọc thơ Kiên Giang, chúng tôi nhận thấy rõ ràng: ý thơ của ông không phải cố tình giới thiệu, cũng không cố tình phô diễn những tri thức văn hóa mà nó khởi phát như một sự tự nhiên, một điều gì thân thuộc. Văn hóa dân gian của vùng Tây Nam Bộ đã đi vào thơ Kiên Giang như một sự “vô thức” bản năng của người con xứ sở. Chắc hẳn, người dân vùng văn hóa khác, mỗi khi có dịp cảm thụ thơ Kiên Giang phải tròn mắt, ngạc nhiên trước những nếp văn hóa rất lạ và những từ ngữ rất đặc trưng như thế. Có thể thấy, từ văn học đến văn hóa là một hành trình kết nối bền bỉ và gắn chặt với nhau. Có thể đọc thơ để khám phá văn hóa là vậy.

### 3. KẾT LUẬN

Thơ Kiên Giang là một trong những tiếng nói nghệ thuật tiêu biểu góp phần lưu giữ, phản ánh và tôn vinh không gian văn hóa miền Tây Nam Bộ. Không chỉ đơn thuần là những vần thơ viết về quê hương, tác phẩm của ông còn mở ra cả một bản đồ tinh thần nơi mà tâm thức con người gắn liền với sông nước, cây lúa, món ăn, điệu hò và những phong tục dân gian hòa quyện

thành linh hồn của vùng đất này. Từ hình tượng con người hào sảng, ngôn ngữ mộc mạc đến các chất liệu dân gian như vọng cổ, lễ hội, ẩm thực, thơ ông không chỉ là sự kết tụ của cảm xúc cá nhân mà còn là nơi lưu giữ ký ức tập thể của một cộng đồng văn hóa.

Trong bối cảnh hiện nay, khi đô thị hóa và toàn cầu hóa đang tác động mạnh mẽ lên cấu trúc văn hóa địa phương, việc đọc lại thơ Kiên Giang giúp ta nhận thức rõ hơn về giá trị bảo tồn và tái hiện các yếu tố văn hóa truyền thống thông qua thi ca. Bài nghiên cứu hy vọng mở ra một hướng tiếp cận thơ Kiên Giang không chỉ như một hiện tượng văn học mà còn như một biểu tượng văn hóa, từ đó góp phần vào công cuộc định vị và bảo lưu bản sắc văn hóa miền Tây Nam Bộ trong dòng chảy hiện đại hóa của văn học Việt Nam đương đại.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Gia Quân (2018), “Thi sĩ Kiên Giang - Hà Huy Hà: Thời hoa trắng thoi cài trên áo tím”, *Báo Công an nhân dân*. Truy xuất từ: <https://cand.com.vn/Nhan-vat/Thi-si-Kien-Giang-Ha-Huy-Ha-Thoi-hoa-trang-thoi-cai-tren-ao-tim-i497689/>.
2. Hoàng Nhân (2014), “Vĩnh biệt nhà thơ, soạn giả Kiên Giang Hà Huy Hà: Tình người còn mãi”, *Báo Dân trí*. Truy xuất từ: <https://dantri.com.vn/van-hoa/vingh-biet-nha-tho-soan-gia-kien-giang-ha-huy-ha-tinh-nguoi-con-mai-1415382144.htm>
3. Lê Tiến Dũng (2013), “Kiên Giang – nhà thơ của ngọn lửa tình yêu”, *Tạp chí Khoa học Văn hóa và Du lịch*, số 14 (68), tr.26-33.
4. Lê Minh Quốc (1997), “Kiên Giang – Hồn thơ của miền Nam đất Việt”, *Báo Phụ nữ*, số 18 (1), tr.16-19.
5. Lê Bá Hán và cộng sự (1994), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.89.
6. Nguyễn Ngọc Thanh (2018), *Đặc trưng văn hóa Nam Bộ*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.10-15.
7. Phạm Đăng Hưng (2023), “Phát huy giá trị văn hóa truyền thống vùng Nam bộ trong xây dựng lối sống hiện nay”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, số 2 (23), tr.44-49.
8. Trần Hoàng Phúc (2020), “Giải pháp không gian cho khu dân cư Bắc Hà Hoàng Phố - Thành phố Long Xuyên”, Luận văn thạc sĩ, *trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh*.

### THE CULTURAL SPACE OF THE MEKONG DELTA IN KIEN GIANG’S POETRY FROM THE PERSPECTIVE OF CONTENT

**Abstract:** *The cultural space of the Mekong Delta in the poetry of Kien Giang (Ha Huy Ha) is a distinctive realm. It is not only a geographical landscape but also a profound layer of cultural depth imbued with identity. Within the theoretical framework of artistic space and regional cultural traits, this paper explores three major dimensions in terms of content: the spiritual space reflected through the archetypal image of Southern people; the culinary space vividly evoked in rustic dishes of rivers and gardens; and the folkloric space, present in every breath of the land and its inhabitants. From these perspectives, the paper affirms that Kien Giang’s poetry both carries the imprint of geo-cultural identity and serves as a reservoir of collective memory of the Mekong Delta, contributing to the flow of modern Vietnamese literature.*

**Keywords:** *Kien Giang, cultural space, Mekong Delta, folk culture, cuisine, Southern consciousness.*